

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐTTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/01/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	846	BK10+TD2+PVD2	7:25	3+15+4	0+0+0		0+18+1	0+0+0	
2	427	RP2+RP3	7:25	22+0	0+0		15+7	0+0	
3	846	JS2-RCDM + RP2	9:25	22	0		4+1	0	
4	427	JS2+ RP4 +P7	9:25	20+2+0	0+0+0		0+12+4	0+0+0	

TTPBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 3 người XNKTT đi RP2 về trong ngày



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/01/2018	TO: BK10 - TD2 - PVD2	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HƯNG - LBinh - HUY -	ETA: 09:10
XANH-1		Năm	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUANG THANG	BK10					74	D-HANH	Vietnamese
2	PHAN NGOC QUYET	BK10	02	1	5		71	D-HANH	Vietnamese
3	TRAN KHOA TRUONG	BK10	03	1	6		71	D-HANH	Vietnamese
4	PONOMARENKO A.	TD2	01	1	5		105	KHOAN	Russian
5	GUSHEYNOV M.A	TD2	08	1	5	20	78	KHOAN	Russian
6	CHU VAN HUNG	TD2	06	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN HAI	TD2	13	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
8	BUI HUU HONG	TD2	04	1	5		92	KHOAN	Vietnamese
9	VUONG DINH LIEN	TD2	03	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
10	LE VIET CHIEN	TD2	12	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
11	NGO VAN BAC	TD2	02	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
12	PHAN MANH CUONG	TD2	11	1	3		76	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN HUNG HUNG	TD2	17	1	3		95	KHOAN	Vietnamese
14	CAO VAN LOI	TD2	07	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
15	MAI VAN HOANG	TD2	05	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
16	DOAN VAN LAN	TD2	14	1	5		71	GETRACO	Vietnamese
17	TRAN DUC THE	TD2	16	1	5		65	GETRACO	Vietnamese
18	BLINDEROV	PVD2	94	1	7		92	VANTAI	Russian
19	NGUYEN HUU DUNG	PVD2	97	1	12	123	65	KHOAN	Vietnamese
20	VU HIEN GIANG	PVD2	95-96	2	10		63	KHOAN	Vietnamese
21	DANG KHAC DUONG	PVD2	92-93	2	15		80	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	3	2	11	216	0	0		
2	TD2	14	14	62	1.058	20	18		
3	PVD2	4	6	44	300	123	0		
TOTAL		21	22	117	1.574	143	18		
WEIGHT KG				117	1.574	143			

GRAND TOAL: 1.834 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04-Jan-18	TO: 1 - RP2 - RP3	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MTHAO - DKHÀNH	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	OZEROV V.N.	RP2	29	1	5	70	93	DIAVATLY	Russian
2	GROMOV S.A	RP2	16	1	9		87	KHOAN	Russian
3	ORLOV I.V.	RP2	21	1	5		90	KH-THAC	Russian
4	SERGEEV ROMAN	RP2					90	KH-THAC	Russian
5	NGUYỄN TRỌNG BÌNH	RP2	20	1	5		67	YTE	Vietnamese
6	NGUYEN VAN TRUNG	RP2	19	1	4		83	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN THAI DUONG	RP2	24	1	8		54	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN LỘC	RP2	18	1	10		73	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN XUAN	RP2	22	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN BINH	RP2	23	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN HOA	RP2	25	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN DUY LINH	RP2	26	1	7		89	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN NHU BANG	RP2	34	1	5	39	55	KHOAN	Vietnamese
14	VU VAN HOA	RP2	27	1	2		56	KHOAN	Vietnamese
15	PHAM NAM HAI	RP2	28	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN DUY KIEN	RP2	31	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
17	PHAN TUAN LONG	RP2	30	1	6		64	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN MINH HUNG	RP2	17	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
19	NIKITIN	RP2	15	1	6		88	ANTOAN	Russian
20	TRẦN VĂN GIANG	RP2	32-33	2	11		76	DVL	Vietnamese
21	NGUYEN HUU TUYEN	RP2	12-13	2	15		59	DVL	Vietnamese
22	TRUONG MINH KHANH	RP2	14	1	10		68	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	22	23	135	1.603	109	15		
2	RP3	0	0	0	0	30	7		
TOTAL		22	23	135	1.603	139	22		
WEIGHT KG				135	1.603	139			

GRAND TOAL: 1.877 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/01/2018	TO: JS2 - RCDM - RP2	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:45
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MTHAO - DKHÁNH	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN DUC	JS2	17	1	4	31	62	KHOAN	Vietnamese
2	BUI NGOC TU	JS2	03	1	5		59	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN BA THANG	JS2	21	1	8	105	85	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN DUC CONG	JS2	13	1	9		69	KHOAN	Vietnamese
5	PHAN TAN KHANG	JS2	05	1	4		79	KHOAN	Vietnamese
6	DO VAN HUNG	JS2	11	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN TRI	JS2	16	1	5		86	KHOAN	Vietnamese
8	PHAM HUU BA	JS2	15	1	7		83	KHOAN	Vietnamese
9	VU XUAN ANH	JS2	01	1	4		61	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN NGOC BAO TU	JS2	02	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN DUC CUONG	JS2	14	1	10		64	KHOAN	Vietnamese
12	DAO VAN SINH	JS2	04	1	6		58	KHOAN	Vietnamese
13	LE QUOC TRUNG	JS2	19	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
14	TA NGOC HA	JS2	12	1	3		71	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN MAN	JS2	07	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
16	BUI DUY QUYET	JS2	06	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
17	PHAM VAN CUONG	JS2	10	1	14		86	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN VAN THANG	JS2	08	1	7		61	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN VAN TRUONG	JS2	09	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
20	HUA QUANG TAM	JS2	18	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
21	LAI HUU HOANG	JS2	20	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
22	TRAN ANH TUAN	RP2	84	1	10	20	75	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	21	21	128	1.448	136	0		
2	RCDM	0	0	0	0	0	1		
3	RP2	1	1	10	75	20	12		
TOTAL		22	22	138	1.523	156	13		
WEIGHT KG				138	1.523	156			

GRAND TOAL: 1.817 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04-Jan-18	TO: JS2 - TD1 - P7	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: HUNG - LBinh - HUY -	ETA: 11:20
XANH-2		Năm	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN DINH SUNG	JS2	67-68	2	10	28	69	KHOAN	Vietnamese
2	DO VAN QUY	JS2	66	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
3	TRAN TUNG PHONG	JS2	47	1	9		80	KHOAN	Vietnamese
4	BUI XUAN THEM	JS2	45-46	2	18		84	KHOAN	Vietnamese
5	JEFFERY DELPHIN MARIUS	JS2	54	1	5		99	KHOAN	Indian
6	GALVIN NOEL GOMES	JS2	55-56	2	18		92	KHOAN	Indian
7	VU VAN HA	JS2					87	KHOAN	Vietnamese
8	MAI THANH ANH	JS2	50-51	2	12		65	KHOAN	Vietnamese
9	BUI ANH DUC	JS2					65	KHOAN	Vietnamese
10	HUYNH KIM LONG	JS2	62	1	12		60	KHOAN	Vietnamese
11	LE QUET THANG	JS2	63-64	2	18		68	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN QUOC DAI	JS2	48	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN TIEN HUNG	JS2	77	1	6		56	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN VAN TIEP	JS2	65	1	13		68	KHOAN	Vietnamese
15	VO TA MAU	JS2	53	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN QUANG HA	JS2	58	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
17	HOANG VAN THE	JS2	57	1	9		70	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN VAN TRONG	JS2	49	1	4		58	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN TIEN VINH	JS2	59	1	7		71	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN VAN THOM	JS2	52	1	4		50	KHOAN	Vietnamese
21	HUYNH NGOC BINH	JS2	60	1	7		78	KHOAN	Vietnamese
22	PHAM HONG QUY	TD1	78	1	10	150	70	DVATLY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	21	24	172	1.487	28	4		
2	TD1	1	1	10	70	150	0		
3	P7	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	25	182	1.557	178	8		
WEIGHT KG				182	1.557	178			

GRAND TOAL: 1.917 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/01/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK16-BK3+P10	7:25	4+9+9	0+0+0		0+11+9	0+0+0	
2		TD3	7:25	22	0		22	0	
3		RP1+BK6+P2	7:25	2+2+18	0+0+0		0+0+18	0+0+0	
4		TD5	7:25	22	0		19	0	
5		P9+P3	9:25	22+0	0+0		20+1	0+0	CHUYEN 2 PAX TU P9-P3
6		CTK3+P9+P11	9:25	1+5+16	0+0+0		0+2+12	0+0+0	
7		P10+BK10	9:25	15+7	0+0		13+9	0+0	
8		BK4+PPD	9:25	14+8	0+0		8+1	0+0	CHUYEN 2 PAX TU BK4-PPD
9		P1+RP2+MRM	11:25	4+18+0	0+0+0		0+4+10	0+0+0	
10		RP2+RP3+MRM	11:25	10+9+3	0+0+0		0+0+15	0+0+0	
11		P2+BK15	11:25	11+11	0+0		4+7	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/01/2018	TO: BK16 - BK3 - P10	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: LBinh - MMinh - THU	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN HUY	BK16	49	1	12	20	75	KH-THAC	Vietnamese
2	LE HỒNG LINH	BK16	35	1	7	38	78	KH-THAC	Vietnamese
3	THAI QUỐC CƯỜNG	BK16	600	1	7		51	KH-THAC	Vietnamese
4	LE THANH BÌNH	BK16	53	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
5	CAO VĂN ĐÀU	BK3	65	1	6	40	73	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN PHƯỚC	BK3	62	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐỨC THIẾP	BK3	64	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC MINH	BK3	69	1	10		67	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH CÔNG	BK3	66-68	3	20		74	CODIEN	Vietnamese
10	BUI VĂN MINH	BK3	93	1	8		60	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH DANH	BK3	07-08	2	10		55	CODIEN	Vietnamese
12	PHẠM BA BÌNH	BK3	63	1	2		68	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	BK3	11	1	4		73	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN HỒ THIỆN TAM	P10	15	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
15	LE HOAI THANH	P10					65	YTE	Vietnamese
16	NGUYỄN THE HẠNH	P10	14	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC PHÚC	P10	13	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN VĂN THẮNG	P10	16	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P10	18	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN BẢO LAM	P10	11	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGO THANH HA	P10	12	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN TẤT THANH	P10	17	1	3		50	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	4	4	36	269	58	0		
2	BK3	9	12	66	607	40	11		
3	P10	9	8	37	576	0	9		
TOTAL		22	24	139	1.452	98	20		
WEIGHT KG				139	1.452	98			

GRAND TOAL: 1.689 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05-Jan-18	TO: TD3	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - CHIẾN - Năm -	ETA: 09:15
cam-1		Toan	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KODZOIEV M.M	TD3	49-50	2	12		95	KHOAN	Russian
2	HOANG MINH TOAN	TD3	57	1	7		58	KHOAN	Vietnamese
3	TRINH DUY SON	TD3	52	1	10		85	KHOAN	Vietnamese
4	PHAM VIET DUNG	TD3	51	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
5	ĐAO TIEN THIET	TD3	54	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
6	NGO VAN KIEM	TD3	48	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
7	ĐẶNG ĐÌNH PHỤC	TD3	40-41	2	18		90	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ MẠNH THĂNG	TD3	35	1	13	90	73	KHOAN	Vietnamese
9	NGO VAN CHUNG	TD3	39	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
10	BUI VAN THOM	TD3	45	1	5		52	KHOAN	Vietnamese
11	ĐẶNG CÔNG THỊNH	TD3	56	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG THANH TU	TD3					85	KHOAN	Vietnamese
13	LUONG HUNG TRIET	TD3	42	1	15		70	KHOAN	Vietnamese
14	VU HAI LONG	TD3	43	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
15	RUSTAM HAYAT	TD3	36-37	2	10		88	NHA THAU	Indonesian
16	NGUYEN VAN HUNG	TD3	38	1	5		75	NHA THAU	Vietnamese
17	SALAKHOV	TD3	47	1	10		96	ANTOAN	Russian
18	NGUYEN VAN NAM	TD3	55	1	15		75	DIA VLY	Vietnamese
19	HOANG GIANG LAM	TD3					82	PSV	Vietnamese
20	PHAM NGOC GIAO	TD3	44	1	5		52	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN DINH MUOI	TD3	53	1	13		73	PSV	Vietnamese
22	TRAN TRI CAO	TD3	46	1	3		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	22	23	172	1.641	90	22		
TOTAL		22	23	172	1.641	90	22		
WEIGHT KG				172	1.641	90			

GRAND TOAL: 1.903 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/01/2018	TO: RP1 - BK6 - P2	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Phong - TTrung - MQUÂN	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NG. VAN TOAN	RP1	100	1	9	50	53	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN THANH HAI	RP1	99	1	13		59	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐANG TRỌNG THAO	BK6	12-13	2	17	40	71	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN THANH PHONG	BK6	11	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM VIET HUNG	P2	32-33	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
6	DANG DUY DUNG	P2	36	1	7		67	XAYLAP	Vietnamese
7	AFANASYEV	P2	35	1	7		100	KH-THAC	Russian
8	PHAM QUOC HIEN	P2					64	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN THE ANH	P2	26	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐAO VAN ĐỨC	P2	28	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
11	VÔ ANH NGỌC	P2	34	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN MANH HUNG	P2	37	1	13		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN HUU PHI	P2					75	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM TRAN TUAN AN	P2	24-25	2	9		75	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN MINH THÀNH	P2	21	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
16	DƯƠNG VĂN THUẬN	P2	29	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN DINH NAM	P2	38	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN ĐỘ	P2					66	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN TIEN HUNG	P2	22-23	2	17		70	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ HỒNG PHƯƠNG	P2	27	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM VAN DONG	P2	20	1	3		64	VIEN	Vietnamese
22	BUI MINH TRI	P2	30-31	2	11		82	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	2	2	22	112	50	0		
2	BK6	2	3	25	146	40	0		
3	P2	18	19	126	1.277	0	18		
TOTAL		22	24	173	1.535	90	18		
WEIGHT KG				173	1.535	90			

GRAND TOTAL: 1.798 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/01/2018	TO: TD5	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: PHÚ - Bằng - dững - THẢO	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN THỌ	TD5	32	1	7	5	66	KHOAN	Vietnamese
2	BUI NGOC LAM	TD5	51	1	7		66	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN XUAN THE	TD5	31	1	2		65	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN VĂN THIỆU	TD5	45	1	6		79	KHOAN	Vietnamese
5	LUƠNG VĂN LỮU	TD5	30	1	4	22	65	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VAN ĐAM	TD5	29	1	5		84	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM VĂN HẠNH	TD5	46	1	9		85	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM VĂN LUAN	TD5	33	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
9	ĐÀO THANH SƠN	TD5	34	1	2		55	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN HIEN	TD5	39	1	7		84	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN QUANG HUNG	TD5	48	1	10		76	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN LAM GIANG	TD5	42	1	12		76	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN HIEN	TD5	40	1	2		65	PSV	Vietnamese
14	PHAN CHINH QUY	TD5	41	1	5		80	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN DANH NGOC	TD5	47	1	7		66	PSV	Vietnamese
16	LE ĐỨC TÀI	TD5	38	1	8		68	PSV	Vietnamese
17	HỒ SỸ THANH	TD5	37	1	5		55	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN ANH TOAN	TD5	43	1	6		59	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN VAN HIEU	TD5	49	1	3		50	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN VAN NHANH	TD5	50	1	5		64	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN TIEN NHUAN	TD5	35-36	2	20		52	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN TRỌNG LAN	TD5	44	1	7		66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	22	23	144	1.484	27	19		
	TOTAL	22	23	144	1.484	27	19		
	WEIGHT KG			144	1.484	27			

GRAND TOAL: 1.655 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/01/2018	TO: P9 - P3	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: PHÚ - Bằng - dững - THẢO	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ CHUNG	P9	93-94	2	6		57	YTE	Vietnamese
2	CHERNIAVSKY	P9	84	1	8		113	KH-THAC	Russian
3	PHẠM ĐỨC TÀI	P9	78	1	8		58	KH-THAC	Vietnamese
4	NG. TIEN TUE	P9	95	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
5	ZAHARIN S.V.	P9	88	1	6	80	103	KH-THAC	Russian
6	NGUYEN XUAN HOANG	P9	92	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN BA KY	P9					80	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ MINH THUY	P9	90	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
9	VÔ VĂN THOẠI	P9	83	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
10	NGO AN CHUNG	P9	89	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐÀO THIÊN THUẬT	P9	82	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN XUAN THUA	P9					75	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ MINH THUY	P9	80	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VIET THANG	P9					72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VIET CUONG	P9	77	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ NGỌC THANH	P9	85	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN HAI	P9	87	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN QUỐC DUNG	P9	76	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	P9	91	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
20	HỒ SỸ BÌNH	P9	81	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN VĂN DŨNG	P9	86	1	7		53	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN VĂN HÀ	P9	79	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	22	20	104	1.584	80	20	2	CHUYEN 02 PAX TU P9 SANG P3
2	P3	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	20	104	1.584	80	21		
WEIGHT KG				104	1.584	80			

GRAND TOAL: 1.768 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/01/2018	TO: CTK3 - P9 - P11	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: LBinh - MMinh - THU	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN QUY	CTK3	77	1	6		70	SANBAY	Vietnamese
2	PHAM NGOC QUY	P9	81	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN VAN BANG	P9	80	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN TIEN HIỆP	P9	82	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN VAN TRI	P9	79	1	4		59	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HUU THANH	P9	83	1	7		64	DK9	Vietnamese
7	NGUYEN HUU LUU	P11	60	1	4	80	70	KH-THAC	Vietnamese
8	LE VIET DUNG	P11	44	1	2		72	KH-THAC	Vietnamese
9	HUYNH THANH TAM	P11	47-49	3	20		93	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN HAI VIỆT	P11	61	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG SY NGOC	P11	59	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TIEN THUC	P11	43	1	5		88	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN NAM	P11	62	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN CAO CHI	P11	50	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN CUONG	P11	63-64	2	5		80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC TUNG	P11	57-58	2	14		75	CODIEN	Vietnamese
17	DO ĐỨC ANH	P11	51	1	10		78	CODIEN	Vietnamese
18	TRAN ANH QUANG	P11	52	1	10		76	CODIEN	Vietnamese
19	CAO QUANG HUNG	P11	53	1	10	16	110	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYEN THUA THAI	P11	55-56	2	20		63	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYEN QUANG TAN	P11	46	1	5		58	PSV	Vietnamese
22	NGO VAN THANH	P11	45	1	9		73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	1	1	6	70	0	0		
2	P9	5	5	22	329	0	2		
3	P11	16	21	133	1.214	96	12		
TOTAL		22	27	161	1.613	96	14		
WEIGHT KG				161	1.613	96			

GRAND TOTAL: 1.870 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/01/2018	TO: P10 - BK10	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:35
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - CHIÊN - Năm -	ETA: 11:15
CAM-2		Toan	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ NGỌC NGUYỄN	P10					75	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN HỮU DƯƠNG	P10	42-43	2	12		71	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN NAM	P10	34	1	2		61	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN MẠNH HÙNG	P10	41	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
5	IVANOV	P10				20	112	KH-THAC	Russian
6	VU DINH CUONG	P10	44	1	10		61	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN HỒNG LINH	P10	36	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TOÀN	P10	45	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ CHÍ HIỆU	P10	39	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN CUÔNG	P10	37	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN HỮU DŨNG	P10	38	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC TOÀN	P10	40	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM HIỆU LIÊM	P10	35	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
14	TRƯƠNG VĂN MINH	P10	32	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM VĂN THUYẾT	P10	33	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN CÔNG TÂN	BK10	46	1	3		86	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ TRỌNG LINH	BK10	52	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ XUÂN THUY	BK10	47	1	5	40	66	KH-THAC	Vietnamese
19	HỒ HỮU LINH	BK10	45	1	8		79	KH-THAC	Vietnamese
20	NGO TUẤN HÙNG	BK10	51	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
21	NGO THAI HA	BK10	50	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH SƠN	BK10	48-49	2	10		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	15	14	79	1.073	20	13		
2	BK10	7	8	48	499	40	9		
TOTAL		22	22	127	1.572	60	22		
WEIGHT KG				127	1.572	60			

GRAND TOAL: 1.759 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05-Jan-18	TO: BK4 - PPD	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Phong - TTrung - MQUÂN	ETA: 11:20
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TIEN DUNG	BK4					75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGO ĐANG ĐỨC	BK4					65	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ BA TUÂN	BK4	71-72	2	15		67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN TIEN	BK4	74	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN XUAN THUY	BK4	68	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN CONG THANH	BK4	69-70	2	8		77	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN DUY NGOC	BK4	65	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ THANH HAI	BK4	75	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN HIEU	BK4	67	1	9		84	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM DUY CHUNG	BK4	66	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
11	DUONG HUU THUAN	BK4	76	1	5	150	69	CODIEN	Vietnamese
12	ĐẶNG TUÂN ANH	BK4	77	1	5		84	CODIEN	Vietnamese
13	PHAM XUAN MANH	BK4	73	1	3		63	PSV	Vietnamese
14	DOAN VAN THINH	BK4	85	1	5		50	PSV	Vietnamese
15	HA VAN TRUNG	PPD	49	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN NAM	PPD	46-47	2	10		77	KHI	Vietnamese
17	LÊ QUANG NINH	PPD					66	KHI	Vietnamese
18	DUONG TRUONG LAM	PPD	50	1	4		69	KHI	Vietnamese
19	PHAM MANH CUONG	PPD	58-59	2	10	35	70	KHI	Vietnamese
20	DUONG HONG LINH	PPD	48	1	6		69	KHI	Vietnamese
21	ĐÀO ĐỨC ĐÔNG	PPD	51	1	13		77	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN ANH KIET	PPD	52	1	10		63	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	14	14	83	986	150	0	842	CHUYEN 2 PAX BK4 SANG PPD
2	PPD	8	9	63	571	35	0	1	
TOTAL		22	23	146	1.557	185	0	9	
WEIGHT KG				146	1.557	185			

GRAND TOAL: 1.888 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05-Jan-18	TO: P1 - RP2 - MRM	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:30
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: LBình - DUONG - THU	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN TINH	P1	04	1	8		72	CODIEN	Vietnamese
2	LE NGOC HIEP	P1	03	1	8		83	CODIEN	Vietnamese
3	DO VAN THANH	P1	05-06	2	15	35	78	CODIEN	Vietnamese
4	ĐANG SU	P1	01-02	2	17		75	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN HIEU	RP2	39	1	14		80	DVL	Vietnamese
6	NGUYEN NAM HAI	RP2	48-49	2	11		70	T-TIN	Vietnamese
7	NGUYEN XUAN QUYNH	RP2	54	1	5		60	GETRACO	Vietnamese
8	TRAN VIET HOAI	RP2	11	1	3		57	GETRACO	Vietnamese
9	ĐINH VAN HUU	RP2	53	1	5		55	GETRACO	Vietnamese
10	NGUYEN DUY CANH	RP2	59	1	5		50	GETRACO	Vietnamese
11	TRINH DAC HUNG	RP2	44	1	12	55	65	XAYLAP	Vietnamese
12	LE TRI HAI	RP2	51-52	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
13	CAO VAN GIAP	RP2	50	1	7		85	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐO VAN HOANG	RP2	41	1	8		60	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐAO NGOC HAI	RP2	38	1	13		66	XAYLAP	Vietnamese
16	PHAN ĐINH MINH	RP2	36-37	2	15		63	XAYLAP	Vietnamese
17	LE BICH ANH	RP2	40	1	16		75	XAYLAP	Vietnamese
18	PHUNG THE TAI	RP2	42	1	13		60	XAYLAP	Vietnamese
19	HOANG BA THANG	RP2	35	1	18		60	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN XUAN ĐUC	RP2	46	1	10		80	XAYLAP	Vietnamese
21	HOANG VAN BA	RP2	47	1	10		66	XAYLAP	Vietnamese
22	VÔ NGỌC CHINH	RP2	44-45	2	11		76	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	4	6	48	308	35	0		
2	RP2	18	22	194	1.188	55	4		
3	MRM	0	0	0	0	0	10		
TOTAL		22	28	242	1.496	90	14		
WEIGHT KG				242	1.496	90			

GRAND TOAL: 1.828 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/01/2018	TO: RP2 - RP3 - MRM	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:35
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - VThắng - Năm - DTùng	ETA: 13:15
Com - 3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE DUC VIET	RP2	09-10	2	17		74	XAYLAP	Vietnamese
2	DOAN DUC THO	RP2	15-16	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN VAN MANH	RP2	12-13	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
4	TRINH VAN TU	RP2	19-20	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
5	LAI HUY CUONG	RP2	07-08	2	25		57	XAYLAP	Vietnamese
6	TRAN ANH HIEP	RP2	01-02	2	17		69	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN VIET MINH	RP2	17-18	2	20		63	XAYLAP	Vietnamese
8	PHAM TIEN DANG	RP2	14	1	15		50	XAYLAP	Vietnamese
9	LE HONG CUONG	RP2	04	1	10	18	67	XAYLAP	Vietnamese
10	TRAN TRUNG QUYEN	RP2	05-06	2	17		55	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN DINH QUOC BAO	RP3	18	1	5	140	63	KH-THAC	Vietnamese
12	VUONG THI NGA	RP3	21	1	5		56	VIEN HN	Vietnamese
13	NGUYEN THI YEN	RP3	26-27	2	15		55	VIEN HN	Vietnamese
14	NGUYEN NGOC ANH TUAN	RP3	20	1	7		73	D-HANH	Vietnamese
15	NGUYEN VAN DUC	RP3	24	1	15		77	KH-THAC	Vietnamese
16	LE VAN NGHI	RP3	25	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN QUOC TRI	RP3	23	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
18	KRAEVOI SERGEI	MRM	81	1	6		98	KHOAN	Russian
19	VASILIK ALEKSEI	MRM	83	1	7		104	KHOAN	Russian
20	GNILOZUBENKO VADIM	MRM	82	1	6		78	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	10	18	176	625	18	0		
2	RP3	7	8	66	461	140	0		
3	MRM	3	3	19	280	0	15		
TOTAL		20	29	261	1.366	158	15		
WEIGHT KG				261	1.366	158			

GRAND TOAL: 1.785 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05-Jan-18	TO: P2 - BK15	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:40
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: HUNG - Nam - MQUAN	ETA: 13:20
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU XUAN TAM	P2	39	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN KHA	P2	41	1	12		76	XAYLAP	Vietnamese
3	TRINH NGOC THAO	P2	42	1	14	15	60	XAYLAP	Vietnamese
4	HOANG QUANG HUNG	P2	44-45	2	17		72	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN DUC HIEP	P2	46-47	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
6	VU QUANG VINH	P2	40	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN XUAN THANG	P2	48-49	2	16		63	XAYLAP	Vietnamese
8	PHAM LE DUONG	P2	50	1	3		80	NIPI	Vietnamese
9	NGUYEN HUU DUC	P2	54-55	2	10	17	63	T-TIN	Vietnamese
10	VU ANH MINH	P2	52-53	2	10		70	T-TIN	Vietnamese
11	PHAM THANH KIM	P2	51	1	3		65	T-TIN	Vietnamese
12	DANG TRONG BAI	BK15	44	1	11		71	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM TRUNG HIEU	BK15	46	1	15	10	80	KH-THAC	Vietnamese
14	VU CHI CONG	BK15	45	1	8		53	KH-THAC	Vietnamese
15	LE VAN TIEP	BK15	47	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN QUOC HUNG	BK15	43	1	7	90	66	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN TRUNG HAI	BK15	11	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN DUC TUNG	BK15	50	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN THANH CONG	BK15	48	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN DINH THANG	BK15	01	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI DUC HAU	BK15	10	1	10		55	CODIEN	Vietnamese
22	HOANG VAN PHUONG	BK15	49	1	4		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	11	16	123	763	32	4		
2	BK15	11	11	85	711	100	7		
TOTAL		22	27	208	1.474	132	11		
WEIGHT KG				208	1.474	132			

GRAND TOAL: 1.814 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 07/01/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi		Về		Ghi chú		
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay		Người	Hàng
1		RP2+TD1+CLO+PVD2	7:25	7+1+6+8	0+0+0+0		0+0+2+8	0+0+0+0	

TPBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/01/2018	TO: RP2 - TD1 - CLO - PVD2	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Nam - TTrung - THU	ETA: 09:30
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	UDACHIN DMITRII	RP2	68	1	10		73	DVL	Russian
2	PHAN ĐANG TUAN	RP2	69	1	10		60	DVL	Vietnamese
3	TRẦN VĂN THỤ	RP2	67	1	16		55	DVL	Vietnamese
4	DOAN PHUC HOANG	RP2					75	DVL	Vietnamese
5	HOANG MINH DUNG	RP2	65	1	12	32	84	DVL	Vietnamese
6	NGÔ DUY TIỆP	RP2	66	1	15		72	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN CONG HA	RP2	63-64	2	16		80	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN QUANG HUY	CLO	35	1	15		90	DVL	Vietnamese
9	TANG TIEN TOAN	CLO	37	1	10		85	DVL	Vietnamese
10	PHẠM VĂN CUÔNG	CLO	38-39	2	13		85	DVL	Vietnamese
11	PHẠM VĂN ĐẠM	CLO	40	1	7		70	DVL	Vietnamese
12	NGUYEN MINH THAO	CLO	41	1	17		68	DVL	Vietnamese
13	ĐÀO ANH HUYNH	CLO	36	1	9		71	DVL	Vietnamese
14	DANG QUAN MINH	PVD2	05	1	16		62	KHOAN	Russian
15	TRẦN ANH VIỆT	PVD2	10	1	6	57	78	KHOAN	Vietnamese
16	BUI KHANH NGUYEN	PVD2	09	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN KHÁNH TOÁN	PVD2	07-08	2	6		52	KHOAN	Vietnamese
18	CAO XUÂN VINH	PVD2	01	1	12		84	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ TRỌNG NGHĨA	PVD2	02-03	2	18		78	KHOAN	Vietnamese
20	VO THANH VE	PVD2	04	1	13		71	KHOAN	Vietnamese
21	BUI TRAN NAM	PVD2	06	1	16		65	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	7	7	79	499	32	2		
2	TD1	0	0	0	0	0	3		
3	CLO	6	7	71	469	0	3		
4	PVD2	8	10	92	557	57	8		
TOTAL		21	24	242	1.525	89	16		
WEIGHT KG				242	1.525	89			

GRAND TOAL: 1.856 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN